

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+GTCL+BK5	7:25	9+10+0	0+0+0		7+6+3	0+0+0	
2		BK16+P2	7:25	6+16	0+0		1+21	0+0	
3		MIRM+RC3+RP2	9:25	17+1+0	0+0+0		19+1+0	0+0+0	chuyen 1 rc3- rp2
4		KNT+P6	9:25	14+4	0+0		14+7	0+0	
5		BK19+TD5+P2	11:25	10+3+8	0+0+0		3+0+19	0+0+0	chuyen 1 bk19- td5
6		KNT+BK3	11:25	12+7	0+0		12+0	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 nguoi bk5 về đi Rc3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RP2 - GTC1 - BK5	CREW: NAM - TUYỀN - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/3148		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN MINH HOÀNG	RP2	02-03	2	22			82	CODIEN	Vietnamese
2	PHI THANH HỒNG	RP2	01	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁNH HƯNG	RP2	13	1	9			78	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHA	RP2	14	1	10			66	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN BA DIỆN	RP2	04-05	2	21			80	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN THỰC	RP2	06-07	2	17			53	XAYLAP	Vietnamese
7	NGÔ THANH NAM	RP2	08	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
8	CU CHI CÔNG	RP2	09-10	2	11	1	14	68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NGÂN	RP2	12	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	GTC1	89	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	GTC1	92	1	12			100	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN GIANG	GTC1	93	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN MẠNH	GTC1	90	1	13			59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUÂN DƯƠNG	GTC1	02-03	2	14			81	DVL	Vietnamese
15	LUƠNG MẠNH HẢI	GTC1	96	1	15	2	40	80	DVL	Vietnamese
16	LÊ THANH TRUNG	GTC1	94	1	14			74	DVL	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HÙNG	GTC1	01	1	12			68	DVL	Vietnamese
18	VŨ DUY CƯỜNG	GTC1	97	1	15			91	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC BÌNH	GTC1	91	1	15			65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	9	634	13	123	1	14	7		
2	GTC1	10	768	11	131	2	40	6		
3	BK5	0	0	0	0	2	40	3		
TOTAL		19	1.402	24	254	5	94	16		
WEIGHT KG			1.402		254		94			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN DUY TUYỀN



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 15/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK16 - P2	CREW: DƯƠNG - VTHẮNG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/3151		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHALVET ANTONIN	BK16	50	1	11	2	20	83	SNF	French
2	KHALILZADE POLAD	BK16	56-57	2	8	1	19	92	SNF	Azerbaijan
3	ZAIETER WALID	BK16	51-54	4	19			84	SNF	French
4	HỒ VĂN LINH	BK16	21-22	2	11			75	PVD	Vietnamese
5	ĐẶNG CÔNG DANH	BK16	48	1	11			75	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ NGUYỄN	BK16	49	1	9			77	PSV	Vietnamese
7	PHAN TRỌNG THẮNG	P2	93	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ VIỆT ANH	P2	96-97	2	12			75	XAYLAP	Vietnamese
9	TẠ VĂN CƯỜNG	P2	98-99	2	13			74	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÀO NGỌC HẢI	P2	09	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG MINH HIẾU	P2	18-19	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG TUYẾN	P2	08	1	10	1	13	63	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	P2	10-11	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC HÀ	P2						64	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ THANH LẠC	P2	12-13	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG BÁ NAM	P2	16-17	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ MINH KHÁNH	P2	89-90	2	16			97	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN DANH HẠNH	P2	01-02	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HIẾU	P2	14-15	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN KHẮC THÉP	P2	04	1	10	1	13	58	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN CÔNG	P2	95	1	10			73	XAYLAP	Vietnamese
22	BÙI ĐÌNH NGỌC	P2	05-06	2	17			50	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	6	486	11	69	3	39	1		
2	P2	16	1.082	25	212	2	26	21		
TOTAL		22	1.568	36	281	5	65	22		
WEIGHT KG			1.568		281		65			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 15/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: MRM - RC3 - RP2	CREW: NAM - MTHAO - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/3149		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	15	1	15			67	KHOAN	Vietnamese
2	EREMEER EVGENII	MRM	24	1	18			96	KHOAN	Russian
3	HỒ MINH TRINH	MRM	23	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
4	BÙI ĐỨC TRUNG	MRM	22,26	2	14			59	DVL	Vietnamese
5	LÊ HOÀNG NAM	MRM	20-21	2	17			54	DVL	Vietnamese
6	CHAGOVETS ALEKSANDER	MRM	03-04	2	22			77	AMHGP	Russian
7	ZHELEZNIK ALEKSANDER	MRM	05-06	2	15			90	AMHGP	Russian
8	SHAKIN MIKHAIL	MRM	01-02	2	20			83	AMHGP	Russian
9	KOTIKOV ALEXEY	MRM	07-08	2	17			110	AMHGP	Russian
10	GABDRAFIKOV RENAT	MRM	11-12	2	14			93	AMHGP	Russian
11	SUVOROV IURII	MRM	18-19	2	24			120	AMHGP	Russian
12	KVARTNIKOV ANTON	MRM	09-10	2	8			110	AMHGP	Russian
13	LOGASHOV STEPAN	MRM	16-17	2	12			95	AMHGP	Russian
14	KUZNETSOV VLADIMIR	MRM	27-28	2	15			100	AMHGP	Russian
15	NGUYỄN NGỌC SƠN	MRM	14	1	6			62	AMHGP	Vietnamese
16	LÊ HỮU DŨNG	MRM	25	1	5			66	AMHGP	Vietnamese
17	PHAN QUYẾT CHIẾN	MRM	13	1	8			68	AMHGP	Vietnamese
18	LE ĐỨC HUY	RC3	88,90	2	18	1	17	75	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	17	1.423	28	241	0	0	19		
2	RC3	1	75	2	18	1	17	1		CHUYỂN 1 PAX RC3-RP2
3	RP2	0	0	0	0	3	51	0		
TOTAL		18	1.498	29	259	4	68	20		
WEIGHT KG			1.498		259		68			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

TRẦN HỒNG NAM

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 15/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: KNT - P6	CREW: DƯƠNG - VTHẮNG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/3152		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ ANH DŨNG	KNT	69-70	2	13	2	24	89	PVD OFF-RE	Vietnamese
2	LƯƠNG MẠNH THƯỜNG	KNT	68	1	9			62	PVD OFF-RE	Vietnamese
3	SHAUN REAY	KNT	56-57	2	13			101	BORR	British
4	ANSARI AMBALATHVEETIL ABDUL	KNT	49	1	12			75	C ENERGY	Indian
5	CHAI JOON CHANG	KNT	52-53	2	17			93	BORR	Malaysian
6	JEVA SUPPYA	KNT	50-51	2	16			75	BORR	Malaysian
7	FRANCIS GEREGORY PEREIRA	KNT	63-64	2	16			103	C ENERGY	Indian
8	NITIN MOJES PAKYA	KNT	65-66	2	13			88	C ENERGY	Indian
9	SAHAYA BENILTON SAHAYA NADARAJ	KNT	67	1	12			86	C ENERGY	Indian
10	JOYEL IGNATIUS DSILVA	KNT	55	1	8	1	19	68	C ENERGY	Indian
11	VIKRAM VIJAY DHANE	KNT	62	1	10			65	C ENERGY	Indian
12	SAGAR RAMCHANDRA JADHAV	KNT	60-61	2	16			103	C ENERGY	Indian
13	RAHUL LUIS DABRE	KNT	58-59	2	15			90	C ENERGY	Indian
14	PHẠM VĂN CƯỜNG	P6	61-62	2	19			84	DVL	Vietnamese
15	BÀNG PHÚC LONG	P6	63-64	2	19			73	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HIỆU	P6	58	1	13			52	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P6	59-60	2	19			64	DVL	Vietnamese
18	DO VAN HIEU	P6	65	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	13	1.098	21	170	3	43	14		
2	P6	5	353	8	83	0	0	7		
TOTAL		18	1.451	29	253	3	43	21		
WEIGHT KG			1.451		253		43			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 15/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK19 - TD5 - P2	CREW: HUNG - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/3150	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ NGỌC CƯỜNG	BK19	56-57	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỒNG VĂN THÙY	BK19	54-55	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DUY	BK19	90-91	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HẢI BĂNG	BK19	62-63	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
5	BÙI KHẮC SƠN	BK19	58-59	2	22			68	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC ĐIỀU	BK19	85	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC QUÂN	BK19	88-89	2	12			54	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ PHƯƠNG VIỆT ANH	BK19	86-87	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LONG	BK19	52-53	2	23			73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	BK19	60-61	2	24			69	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM THANH TÙNG	TD5	54	1	14			94	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO DUY ĐIỆP	TD5	53	1	13			83	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD5	52	1	10			71	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN MẠNH	P2	85-86	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
15	BIỆN VAN THÀNH	P2	88	1	15			83	XAYLAP	Vietnamese
16	TRỊNH ĐẮC HÙNG	P2	78-79	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KHẮC THẠCH	P2	76-77	2	18	3	43	58	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN ĐĂNG HUÂN	P2	80-81	2	8	1	17	76	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN ĐĂNG	P2	83-84	2	18			51	XAYLAP	Vietnamese
20	HOÀNG MINH TRÍ	P2	87	1	7			87	KHÍ	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	10	678	19	194	0	0	3 + 1		CHUYEN 1 PAX BK19-TD5
2	TD5	3	248	3	37	0	0	0		
3	P2	7	480	12	104	4	60	19		
TOTAL		20	1.406	34	335	4	60	22		
WEIGHT KG			1.406		335		60			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 15/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: KNT - BK3	CREW: DUONG - N.ANH - DTUNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06	VNHS FLIGHT: TM26/3153		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯƠNG CÔNG TOẠI	KNT	75	1	8	1	28	71	PVD OF-RE	Vietnamese
2	ĐẬU SỸ HUỐNG	KNT	77	1	4	3	46	81	PVD OF-RE	Vietnamese
3	BÙI VĂN TUẤN	KNT	74	1	6	5	81	69	PVD OF-RE	Vietnamese
4	HOÀNG ĐỨC THÁI	KNT	76	1	4			80	PVD OF-RE	Vietnamese
5	BÙI VĂN NAM	KNT	79	1	5			63	PVD OF-RE	Vietnamese
6	MẠC THANH HOÀI	KNT	78	1	6			70	PVD OF-RE	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NHÂN	KNT	80	1	4			59	PVD OF-RE	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC VIỆT	KNT						76	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI PHÚ TRỌNG	KNT	81	1	13			76	PSV	Vietnamese
10	ĐỖ LÊ NGỌC HOÀNG	KNT	84	1	9			56	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÂN	KNT	83	1	5			69	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NGHĨA	KNT	82	1	4			59	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TỊNH	KNT	23	1	11			82	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG SƠN	BK3	88	1	9			85	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	BK3	86	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC LAN	BK3	91	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK3	89-90	2	16			56	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG VŨ HẢI	BK3	92-93	2	8			66	KH-THAC	Vietnamese
19	LÂM VĂN HẠNH	BK3	94	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
20	BÙI ĐỨC KHÁNH	BK3	87	1	7			51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	13	911	12	79	9	155	13		
2	BK3	7	480	9	74	0	0	0		
TOTAL		20	1.391	21	153	9	155	13		
WEIGHT KG			1.391		153		155			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGHIÊM VIỆT ANH

